

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-PT

Ngày 23-01-2019

V/v: Tranh chấp hụi họ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Điệt

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh, ông Hoàng Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp hụi họ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện MS bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ. Nơi cư trú: Tiểu khu 15, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Bùi Thị T. Nơi cư trú: Tổ 4, tiểu khu 13, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L. Nơi cư trú: Xóm 3, tiểu khu 14, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Đ, bà Bùi Thị T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết và ở cùng xóm với bà Nguyễn Thị L làm chủ họ nên bà T, bà Đ có chơi góp họ. Mục đích góp họ để tiết kiệm tiền hàng tháng. Hình thức chơi là mỗi dây họ gồm 15 người, mỗi người tự nguyện góp họ hàng tháng là 2.000.000 đồng cho chủ họ là bà Nguyễn Thị L, lần lượt bốc họ và nhận tiền lãi. Bà T, bà Đ cùng tham gia dây họ ngày 25/12/2013, mỗi người góp 01 chân.

Thực tế, bà Đ, bà T đã nộp tiền họ cho bà L 07 tháng (từ tháng 12/2013 đến 6/2014) và trừ đi các khoản tiền lãi, mỗi bà đã nộp trực tiếp cho bà L là 12.430.000 đồng. Đến tháng 07/2014, bà L thông báo dừng nhận tiền góp họ vì lý do có bà Ng là người cầm cái dây họ khác bỏ trốn khỏi địa phương và sợ dây họ của mình cũng có người như vậy nên không nhận tiền góp họ nữa và xin số tiền lãi của những người chưa bốc. Sau khi thống nhất bà L xác nhận còn nợ bà Đ số tiền là 12.150.000 đồng (do bà Đ còn nợ bà L 270.000 đồng) và nợ của bà T là 12.430.000 đồng. Số tiền bà L còn nợ thể hiện giấy đề dây họ ngày 25/12/2013 của bà Trần Thị Đ và danh sách nộp tiền chơi họ do bà Nguyễn Thị L cầm cái có xác nhận của bà L.

Khi dừng góp họ, bà T, bà Đ chưa được bốc họ. Sau nhiều lần đến yêu cầu thanh toán số tiền đã góp họ, bà L khất lần, nói rằng phải đợi bà Phạm Thị Ng về thì mới có tiền thanh toán. Bà T, bà Đ cho rằng dây họ ngày 25/12/2013 là do bà Nguyễn Thị L cầm cái, người chơi nộp tiền cho bà L nên phải có trách nhiệm đối với số tiền người chơi đã nộp. Vì vậy, bà Đ khởi kiện đề nghị bà L phải thanh toán số tiền họ là 12.150.000 đồng; bà T khởi kiện đề nghị bà L phải thanh toán số tiền họ là 12.430.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L xác nhận bà T, bà Đ tự nguyện góp họ, dây họ ngày 25/12/2013. Mỗi dây họ có 15 người chơi, mỗi tháng góp 2.000.000 đồng nhưng không có cam kết cụ thể. Mục đích chơi là để tiết kiệm tiền hàng tháng, người có nhu cầu đến bốc và chia lãi cho người trong chân họ. Bà L xác nhận dây họ này, bà T, bà Đ đã góp họ được 07 tháng thì dừng do bà Ng tham gia chơi 03 chân họ đã bốc và trốn khỏi địa phương. Vì vậy, bà L đã có đơn đề nghị công an MS giải quyết nhưng vẫn chưa có kết quả. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà Đ, bà L cho rằng khi nào đòi được tiền của bà Ng thì sẽ thanh toán cho những người chơi trong dây họ.

Tại bản án số: 17/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La quyết định:

Áp dụng các Điều 147, 227, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về họ, họ, biểu phùng; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ và bà Bùi Thị T.

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đ số tiền họ là 12.150.000 (Mười hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị T số tiền họ là 12.430.000 (Mười hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Ghi nhận việc bà Trần Thị Đ và bà Bùi Thị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn xử lý về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MS.

Tai phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của bị đơn bà L cho rằng không phải là người cầm cái, bà cũng là người bị hại như bà T, bà Đ. Do là người trực tiếp thu tiền nên nhất trí trả dần khoản tiền này cho bà T, bà Đ tại Cơ quan thi hành án dân sự khi thu được số tiền của bà Hằng đang nợ.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn bà T và bà Đ đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MS.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Kiểm sát viên đề

ngợi: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp thể hiện bà Trần Thị Đ, bà Bùi Thị T tham gia chơi họ do bà Nguyễn Thị L cầm cái. Sau khi dừng chơi các bên đã có sự thỏa thuận số tiền họ bà L đã nhận nhưng chưa thanh toán cho người chơi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật Tranh chấp hội họ là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L về việc không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo lời khai của các đương sự, kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MS, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định bà Nguyễn Thị L là người đứng ra cầm cái dây họ của 15 người (trong đó có bà Trần Thị Đ, bà Bùi Thị T). Bà L là người trực tiếp đứng ra thu tiền của những người chơi trong dây họ, gọi mọi người đến bốc họ hoặc bốc hộ họ nếu có người bận, tính lãi và thanh toán lãi, thanh toán tiền bốc họ cho những người chơi trong dây họ. Quá trình quản lý số tiền họ, khi phát sinh việc người chơi họ bà Phan Thị Nga liên tục bốc họ trước và không nộp tiền họ hàng tháng nhưng bà L không thông báo cho những người chơi họ mà lại cho Nga ghi nợ để lấy lãi, bà Phan Thị Nga đã bỏ trốn khỏi địa phương làm thất thoát tiền họ của những người chơi khác.

Khi sự việc xảy ra, bà L đã dừng việc chơi họ dẫn tới việc bà Trần Thị Đ, Bùi Thị T góp tiền chơi họ nhưng không được bốc họ. Bản thân bà L cũng xác nhận số tiền họ bà L còn nợ bà T là 12.430.000 đồng; nợ bà Đ là 12.150.000 đồng. Do đó, xác định bà L phải có trách nhiệm trả lại tiền góp họ đã thu cho bà Đ, bà T theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu phượng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại tiền cho bà Trần Thị Đ, Bùi Thị T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Việc bà L cho rằng số tiền họ đã bị bà Phan Thị Ng chiếm đoạt, trách nhiệm trả lại cho những người chơi họ thuộc về Ng là không có căn cứ. Bởi lẽ, việc thu tiền, thanh toán tiền bốc họ cho những người chơi họ đều do bà L thực

Từ sự phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu phưong; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đ số tiền họ là 12.150.000 (Mười hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị T số tiền họ là 12.430.000 (Mười hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Đ, bà Bùi Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị L không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

theo biên lai thu số: 0001813 ngày 05/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (23/01/2019).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Văn Diệt

